

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG
DANANG RUBBER JOINT
STOCK COMPANY**

Số: ~~444~~ /DRC-TK
No.: ~~444~~ /DRC-TK

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
*Independence – Freedom - Happiness***

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026
Danang, January 30, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: The State Securities Commission of Vietnam
Ho Chi Minh City Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG/
DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/*Stock code*: DRC

- Địa chỉ/*Address*: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, P. Hải Vân, TP.Đà Nẵng/ *Lot G, Ta Quang Buu Street, Hai Van Ward, Da Nang City.*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone*: 0236 3771405

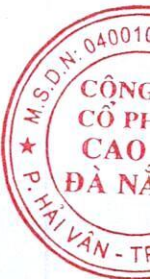
- E-mail: quynhnga@drc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố / *Content of information disclosure*:

Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025/ *Danang Rubber Joint Stock Company disclosed its Corporate Governance Report for the year 2025.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/01/2026 tại đường dẫn : [http://drc.com.vn./](http://drc.com.vn/) / *This information was published on the Company's official website on January 30, 2026 at the following link: <http://drc.com.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố / *We hereby certify that the above disclosed information is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.*



Tài liệu đính kèm/ *Attached Document:*
Báo cáo tình hình quản trị Công ty
năm 2025/ *The Corporate Governance*
Report for the year 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN
PARTY AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION



Phạm Thị Quỳnh Nga



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG
DANANG RUBBER
JOINST STOCK COMPANY**

Số: 09/BC-DRC-HĐQT
No: 09/BC-DRC-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 01 năm 2026
Danang, January 29th, 2026

**BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(năm 2025)
(year)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại/Telephone: 02363771405 Email: vanphong@drc.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: **1.544.292.830.000** đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: DRC
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):



		<i>Hoa from the Supervisory Board for the 2024–2029 term;</i> 10. Đại hội chuẩn y kết quả bầu bổ sung ông Trương Tuấn Nghĩa là Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024-2029./ <i>Ratification of the election result of Mr. Truong Tuan Nghia as a new member of the Supervisory Board for the 2024–2029 term.</i>
--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semiannual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) / *Information about the members of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i> Ông/Bà <i>Mr./Ms.</i>	Chức vụ/ <i>Position</i> (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành/ <i>Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors</i>)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Nguyễn Xuân Bắc <i>Mr. Nguyen Xuan Bac</i>	Chủ tịch <i>Chairman</i>	24/4/2024	
2	Nguyễn Văn Hiệu <i>Mr. Nguyen Van Hieu</i>	Thành viên <i>Member</i>	24/4/2024	
3	Nguyễn Huy Hiếu <i>Mr. Nguyen Huy Hieu</i>	Thành viên <i>Member</i>	24/4/2024	
4	Hà Phước Lộc <i>Mr. Ha Phuoc Loc</i>	Thành viên <i>Member</i>	24/4/2024	
5	Lê Hoàng Khánh Nhựt <i>Mr. Le Hoang Khanh Nhut</i>	Thành viên <i>Member</i>	24/4/2024	
6	Nguyễn Thị Bích Thủy <i>Mr. Nguyen Thi Bich Thuy</i>	Thành viên <i>Member</i>	24/4/2024	
7	Phạm Ngọc Phú <i>Mr. Pham Ngoc Phu</i>	Thành viên <i>Member</i>	24/4/2024	

chính cao nhất cho Công ty./ *Directed and supervised the Company's business and financial performance in 2025. The BOD regularly requested the Board of Management to report on business operations and financial performance at BOD meetings and on an ad-hoc basis when necessary. Based on these reports, the BOD provided guidance to ensure optimal business efficiency and financial safety for the Company.*

- Giám sát việc triển khai thực hiện và tiến độ thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng năm 2025, đặc biệt là dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất lốp Radial nâng công suất lên 1 triệu lốp/năm”. Ban Tổng giám đốc định kỳ báo cáo chi tiết quá trình, tiến độ triển khai thực hiện các dự án, các vướng mắc khó khăn (nếu có) trong quá trình thực hiện. Hội đồng quản trị chỉ đạo, yêu cầu Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện, giám sát chặt chẽ và phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư của dự án, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đến nay dự án đã nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý II/2025./ *Supervised the implementation and progress of investment and construction projects in 2025, especially the project “Expansion of the Radial Tire Factory to increase capacity to 1 million tires/year,”. The Board of Management is required to report periodically on the progress and any issues or challenges arised during the project execution. The BOD directed and required the Board of Management to closely oversee the execution and coordinate with related units to ensure project timeliness, quality, and investment efficiency in compliance with legal regulations and the Company Charter. As of now, the project has been completed, accepted, and put into operation in Q2/2025.*

- Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2024 cho cổ đông theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua./ *Directed and supervised the dividend payment for the remaining portion of 2024 to shareholders in accordance with the resolution approved at the 2025 AGM.*

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và thực tiễn hoạt động Công ty./ *Directed the Board of Management to review, admend, and supplement the Company's internal governance regulations in accordance with legal requirements, the Charter and actual business practices of the Company.*

- Giám sát, chỉ đạo việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua./ *Supervised and directed the implementation of the plan to issue shares to increase the Company's charter capital from owner's equity, as approved by the 2025 AGM.*

- Giám sát và chỉ đạo công tác công nợ của khách hàng nội địa và xuất khẩu. Yêu cầu Tổng giám đốc bằng mọi giải pháp cần thiết, đúng pháp luật thu hồi tối đa công nợ khách hàng đặc biệt là công nợ quá hạn khách hàng xuất khẩu; định kỳ hàng tuần, hàng tháng báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình và kết quả thu hồi công nợ /*To supervise and direct the management and collection of receivables from domestic and export customers; to require the General Director to apply all necessary and lawful*

quản trị/ *The Company does not have any subcommittees under the Board of Directors.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/
Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	01/NQ-DRC- HĐQT	20/01/2025	Thông qua báo cáo tài chính quý IV/2024 chưa kiểm toán/ <i>Approved the unaudited Q4/2024 financial statements</i>	100%
2	02/NQ-DRC- HĐQT	20/01/2025	Thông qua kết quả SXKD quý IV/2024, cả năm và kế hoạch quý I/2025/ <i>Approved the Q4/2024 business performance results, full-year results, and the Q1/2025 business plan</i>	100%
3	03/NQ-DRC- HĐQT	20/01/2025	1. Phê duyệt KH kiểm toán nội bộ năm 2025/ <i>Approved the 2025 internal audit plan</i> 2. Phê duyệt KH ĐTXD năm 2025/ <i>Approved the 2025 construction investment plan</i> 3. Thông qua Quy chế quản lý đoàn đi nước ngoài và đoàn nước ngoài vào làm việc của Công ty/ <i>Approved the Regulation on managing outbound and inbound working delegations of the Company</i> 4. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý hàng tồn kho của Công ty./ <i>Approved the amendment and supplementation of the Company's inventory management regulation</i>	100%
4	04/NQ-DRC- HĐQT	27/02/2025	Phê duyệt KH tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ <i>Approved the organization plan for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders (AGM)</i>	100%

			<i>Approved the 2025 regular maintenance (R&M) plan</i>	
10	11/NQ-DRC-HĐQT	23/5/2025	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền phần còn lại 6% từ lợi nhuận năm 2024/ <i>Approved the cash dividend payment of the remaining 6% from 2024 profit</i>	100%
11	12/NQ-DRC-HĐQT	23/5/2025	Chấp thuận chuyển bước đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư sang giai đoạn thực hiện đầu tư các dự án đầu tư thiết bị lẻ năm 2025/ <i>Approved the transition of investment stage for 2025 equipment procurement projects from preparation to implementation</i>	100%
12	14/NQ-DRC-HĐQT	13/6/2025	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ theo phương án đã thông qua tại NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ <i>Approved the implementation plan for share issuance to increase charter capital from owners' equity and the treatment of fractional shares in accordance with the 2025 AGM resolution</i>	100%
13	15/NQ-DRC-HĐQT	09/7/2025	Thông qua Đề án “Rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng”/ <i>To approve the Proposal on the “Review and restructuring of the organizational structure of Danang Rubber Joint Stock Company”</i> . Thành lập, đổi tên, hình thành cơ cấu tổ chức bộ máy mới của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng/ <i>To establish, rename, and form the new organizational structure of Danang Rubber Joint Stock Company.</i>	100%



			19 Clause 1, Article 6 of the Charter on the organization and operation of the Company.	
19	21/NQ-DRC-HĐQT	20/10/2025	Thông qua Báo cáo tài chính quý III/2025 (chưa kiểm toán) của Công ty/ <i>To approve the Company's unaudited financial statements for the third quarter of 2025.</i>	100%
20	22/NQ-DRC-HĐQT	22/10/2025	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) quý III, 9 tháng đầu năm 2025; Kế hoạch SXKD quý IV/2025/ <i>To approve the production and business performance results for the third quarter and the first nine months of 2025; and the production and business plan for the Q4/2025.</i> Bổ nhiệm lại có thời hạn ông Lê Hoàng Khánh Nhựt giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty/ <i>To reappoint Mr. Le Hoang Khanh Nhut for a fixed term to the position of General Director of the Company.</i>	100%
21	23/NQ-DRC-HĐQT	22/10/2025	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều 17 Quy chế tài chính Công ty / <i>To approve the amendment and supplementation of Article 17 of the Company's Financial Regulations.</i>	100%
22	24/NQ-DRC-HĐQT	19/11/2025	Chấp thuận chuyển bước đầu tư từ giai đoạn “chuẩn bị đầu tư” sang giai đoạn “thực hiện đầu tư” đối với dự án Máy lưu hóa 45"-48"/ <i>To approve the transition of the investment phase from the “investment preparation” stage to the “investment implementation” stage for the 45"-48" Vulcanizing Machine Project.</i> Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án: “Máy lưu hóa 45"-	100%

[illegible]

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo /năm)/Supervisory Board/Audit Committee (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of the Supervisory Board (SB)/ the Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Chu Quang Tuấn <i>Mr. Chu Quang Tuan</i>	Trưởng ban <i>Head of the SB</i>	Trưởng BKS từ ngày 24/4/2024 <i>Head of the SB from 24/4/2024</i>	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
2	Nguyễn Thị Vân Hoa <i>Ms. Nguyen Thi Van Hoa</i>	Thành viên <i>Member</i>	Thôi thành viên BKS từ 25/4/2025 <i>Ceased as SB member from 25/4/2025</i>	Thạc sĩ chuyên ngành tài chính, LTTT và tín dụng <i>Master's degree in Finance, Financial Markets and Credit</i>
3	Trương Thị Hồng Hoa <i>Ms. Truong Thi Hong Hoa</i>	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên BKS từ 24/4/2024 <i>SB member from 24/4/2024</i>	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
4	Trương Tuấn Nghĩa <i>Mr. Truong Tuan Nghia</i>	Thành viên <i>Member</i>	Thành viên BKS từ 25/4/2025 <i>SB member from 25/4/2025</i>	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Quản trị Kinh doanh quốc tế, Tài chính quốc tế. <i>Master of Business Administration; Bachelor of International Business Administration and International Finance.</i>

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/ Meetings of the Supervisory Board (SB) or Audit Committee

reviewed the content, legality, procedures, and issuance processes of the resolutions and decisions issued by the BOD and the Board of Management in 2025.

+ Rà soát các quy chế, quy định được ban hành trong năm 2025. Kiểm tra thực hiện các quy chế và quy định Công ty ban hành để phục vụ công tác điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh./ *Reviewed internal regulations and procedures issued in 2025; examined the application of these policies in the management and operation of the Company's production and business activities.*

+ Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024. 6 tháng đầu năm 2025; kịp thời có những kiến nghị đối với bộ phận chức năng, Ban Tổng giám đốc để hoạt động tài chính kế toán ngày càng tốt hơn./ *Supervised financial and accounting activities, appraised the 2024 financial statements, the first six months of 2025; made timely recommendations to relevant departments and the Board of Management to improve the Company's financial and accounting performance.*

+ Kiểm tra công tác Đầu tư xây dựng cơ bản./ *Inspected investment and capital construction activities.*

Qua đó Ban kiểm soát nhận thấy/ *Through its supervision, the Supervisory Board has observed the following:*

- HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và ban hành các Nghị quyết, Quyết định tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, theo đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty./ *The Board of Directors has strictly adhered to the contents of the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, issued Resolutions and Decisions focusing on the direction of the production and business operations in accordance with the functions and authorities of the Board of Directors, while complying with the Law on Enterprise and the Company's Charter.*

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng và sắp xếp kế hoạch sản xuất của Công ty hợp lý với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh./ *The Board of Management has implemented the Resolutions and Decisions of the Board of Directors; organized and aligned the Company's production plans appropriately to the objections of improving product quality and business efficiency.*

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước; chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hiện hành của Nhà nước. Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Công tác kiểm kê đầy đủ, đúng quy định. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN./ *The Company prepare and submit Financial Reports periodically as the regulations of the State; Accounting policies applied by the Company comply with the regulations under the corporate regime, Vietnam accounting standards and current government regulations. Accounting books and records are complete, clear and stored in accordance with the regulations of the statistics accounting regime. Inventory procedures are complete and in line with regulations. The company fulfills its obligations to the State Budget.*

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đều bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Các quyền lợi của người lao động như đảm bảo việc làm ổn định, chế độ lương, đóng bảo hiểm xã hội - y tế - thất nghiệp đều được

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i> Ông/ Bà <i>Mr/Ms.</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
1	Lê Hoàng Khánh Nhựt - Tổng giám đốc <i>Mr. Le Hoang Khanh Nhut – General Director</i>	02/4/1974	Thạc sỹ cơ khí chế tạo <i>Master of Engineering</i>	Bổ nhiệm lại ngày 01/11/2025 <i>Re-appointed on 01/11/2025</i>
2	Hà Phước Lộc - Phó Tổng giám đốc <i>Mr. Ha Phuoc Loc – Deputy General Director</i>	28/12/1968	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>	Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2021 <i>Re-appointed on 01/02/2021</i>
3	Phạm Phong Thịnh - Phó Tổng giám đốc <i>Mr. Pham Phong Thinh – Deputy General Director</i>	28/4/1973	Kỹ sư Hóa cao phân tử <i>Polymer Chemical Engineer</i>	Thôi giữ chức vụ từ ngày 01/9/2025 <i>Relieved from the position effective from 24/11/2020</i>
4	Nguyễn Thị Minh Thu - Phó Tổng giám đốc <i>Ms. Nguyen Thi Minh Thu – Deputy General Director</i>	14/6/1976	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>	Bổ nhiệm ngày 12/5/2021 <i>Appointed on 12/5/2021</i>

V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Họ và tên <i>Full Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Trần Thị Mỹ Lệ	12/8/1980	Kế toán <i>Bachelor of Economics in Accounting</i>	Bổ nhiệm lại ngày 01/02/2021 <i>Re-appointed on 01/02/2021</i>

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: Phụ lục 3/Annex 3*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*
Phụ lục 4/Annex 4

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Nguyễn Xuân Bắc



Phụ lục 1: Danh sách về người có liên quan của Công ty/ Annex 1: List of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Docu ment No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Starting Date as a Related Party	Thời điểm không còn là người có liên quan Ending Date as a Related Party	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relations hip with the Compan y
1	Nguyễn Xuân Bắc Mr. Nguyen Xuan Bac		Chủ tịch HĐQT Chairman of BOD					24/6/2020			
2	Lê Hoàng Khánh Nhứt Mr. Le Hoang Khanh Nhut		TV HĐQT, Tổng Giám đốc BOD Member, General Director					23/4/2019			
3	Hà Phước Lộc Mr. Ha Phuoc Loc		TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc BOD Member, Deputy General Director					23/4/2014			
4	Nguyễn Huy Hiếu Mr. Nguyen Huy Hieu		TV HĐQT BOD Member					23/4/2019			
5	Nguyễn Thị Bích Thủy Ms. Nguyen Thi Bich Thuy		TV HĐQT BOD Member					24/6/2020			
6	Nguyễn Văn Hiệu Mr. Nguyen Van Hieu		TV HĐQT BOD Member					23/4/2019			
7	Trần Đình Quyền Mr. Tran Dinh Quyen		TV HĐQT BOD Member					23/4/2019	24/4/2024	Hết nhiệm kỳ/ End of term	
8	Phạm Ngọc Phú Mr. Pham Ngoc Phu		TV HĐQT BOD Member					24/4/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
9	Phạm Phong Thịnh Mr. Pham Phong Thinh		Phó Tổng giám đốc Deputy General Director					24/11/2020	1/9/2025	Miễn nhiệm/ Dismissal	
10	Nguyễn Thị Minh Thu Ms. Nguyen Thi Minh Thu		Phó Tổng giám đốc Deputy General Director					12/5/2021			
11	Chu Quang Tuấn Mr. Chu Quang Tuan		Trưởng ban KS Head of SB					28/4/2021			

11/5/2020/21

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities Trading Account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH (* NSH No. ID Docu ment No.	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp NSH <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Head Office Address/ Contact Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Starting Date as a Related Party</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Ending Date as a Related Party</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Compan y</i>
12	Nguyễn Thị Vân Hoa <i>Ms. Nguyen Thi Van Hoa</i>		TV Ban KS <i>SB Member</i>					23/4/2014	25/4/2025	Miễn nhiệm/ <i>Dismissal</i>	
13	Trương Tuấn Nghĩa <i>Mr. Truong Tuan Nghia</i>		TV Ban KS <i>SB Member</i>					25/4/2025		Bổ nhiệm/ <i>Appointment</i>	
14	Trương Thị Hồng Hoa <i>Ms. Truong Thi Hong Hoa</i>		TV Ban KS <i>SB Member</i>					23/4/2019			
15	Trần Thị Mỹ Lệ <i>Ms. Tran Thi My Le</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					1/12/2010			
16	Phạm Thị Quỳnh Nga <i>Ms. Pham Thi Quynh Nga</i>		Người được UQ công bố thông tin <i>Authorized person for information disclosure</i>					1/3/2014			
17	Phạm Thị Anh Thư <i>Ms. Pham Thi Anh Thu</i>		Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty <i>Person in charge of management and Secretary of the Company</i>					1/1/2021			

Phụ lục 2/Annex 2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organizations/ individuals	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp ID Document No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Details, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
Giao dịch bán								
1	Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng Sao Vang Rubber Joint Stock Company	Công ty liên kết của Công ty mẹ (cổ đông lớn) Associate company of the parent company (major shareholder)	0103011568-3/4/2006-Sở tài chính thành phố Hà Nội 0103011568-3/4/2006-Hanoi Department of Finance	Số 231, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 231, Nguyen Trai Street, Thuong Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam	4/10/2025		180,090,000	Màng DRC DRC rubber bladder
					9/13/2025		62,191,800	
					3/18/2025		92,221,200	
					11/19/2025		102,735,000	
					5/21/2025		102,438,000	
					7/21/2025		29,700,000	
					8/21/2025		34,020,000	
					12/22/2025		80,541,000	
					4/23/2025		62,019,000	
					8/27/2025		16,800,000	
					10/27/2025		78,138,000	
					12/31/2025		111,834,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organizations/ individuals	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp ID Document No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Details, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
2	Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam Southern Rubber Industry Joint Stock Company	Công ty con của Công ty mẹ (cổ đồng lớn) Subsidiary of the parent company (major shareholder)	4103004392- 1/3/2006-Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 4103004392- 1/3/2006-Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment	180 Nguyễn Thị Minh Khai - P. Võ Thị Sáu - Q. 3 - Tp.HCM 180 Nguyen Thi Minh Khai Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City	7/25/2025		71,604,000	Vải lót nhựa nhám 700 mm
Giao dịch mua								
1	Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng Sao Vang Rubber Joint Stock Company	Công ty liên kết của Công ty mẹ (cổ đồng lớn) Associate company of the parent company (major shareholder)	0103011568- 3/4/2006-Sở tài chính thành phố Hà Nội 0103011568- 3/4/2006-Hanoi Department of Finance	Số 231, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 231, Nguyen Trai Street, Thuong Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam	10/22/2025		56,622,500	Vải mảnh Mono420D/1

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organizations/ individuals	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp ID Document No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Details, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
2	Công ty cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam Southern Rubber Industry Joint Stock Company	Công ty con của Công ty mẹ (cổ đông lớn) Subsidiary of the parent company (major shareholder)	4103004392-1/3/2006-Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 4103004392-1/3/2006-Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment	180 Nguyễn Thị Minh Khai - P. Võ Thị Sáu - Q. 3 - Tp.HCM 180 Nguyen Thi Minh Khai Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City	10/30/2025		137,020,595	Vải mảnh Chafer N6-1260D/1-16EPI
					11/19/2025		228,413,520	Acid Stearic
					12/24/2025		96,535,800	Lưu huỳnh không tan
3	Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (Chemical Industry Engineering Joint Stock Company)	Công ty con của Công ty mẹ (cổ đông lớn) Subsidiary of the parent company (major shareholder)	0100103520 - thay đổi lần thứ 18 ngày 26/12/2024 - Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội	21A phố Cát Linh - phường Ô Chợ Dừa - TP. Hà Nội	10/30/2025		545,670,000	Giá trị còn lại HĐ thiết kế bản vẽ thi công dự án Ra3
4	Công ty cổ phần xà phòng Hà Nội (Hanoi Soap Joinst Stock Company)	Công ty con của Công ty mẹ (cổ đông lớn) Subsidiary of the parent company (major shareholder)		số 233B, đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, TP Hà Nội	12/17/2025		570,000,456	Nước giặt, nước xả, nước rửa chén...

Phụ lục 3: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ /Annex 3: List of internal persons and their affiliated persons

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
1	Nguyễn Xuân Bắc <i>Nguyen Xuan Bac</i>		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of BOD</i>							16,227,453	10.51%	Đại diện sở hữu/Ownership representative: 16.227.453
Cá nhân										-	-	
1.1	Nguyễn Xuân Tạo <i>Nguyen Xuan Tao</i>			Bố <i>Father</i>						-	-	
1.2	Nguyễn Thị Minh <i>Nguyen Thi Minh</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	
1.3	Nguyễn Xuân Khánh <i>Nguyen Xuan Khanh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
1.4	Nguyễn Khánh Linh <i>Nguyen Khanh Linh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
1.5	Nguyễn Xuân Hưng <i>Nguyen Xuan Hung</i>			Anh ruột <i>Brother</i>						-	-	
1.6	Nguyễn Thị Minh Phương <i>Nguyen Thi Minh Phuong</i>			Chị ruột <i>Sister</i>						-	-	
1.7	Khổng Kim Loan <i>Khong Kim Loan</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
1.8	Nguyễn Tường Thụy <i>Nguyen Tuong Thuy</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
1.9	Nguyễn Đình Hào <i>Nguyen Dinh Hao</i>			Bố vợ <i>Father-in-law</i>						-	-	
1.10	Nguyễn Thị Vụ <i>Nguyen Thi Vu</i>			Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>						-	-	
<i>Tổ chức</i>										-	-	
1.1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam <i>Vietnam National Chemical Group</i>			Tổ chức có liên quan <i>Related organization</i>						77,999,165	50.51%	
1.2	Công ty cổ phần Xà Phòng Hà Nội <i>Hanoi Soap JSC</i>			Tổ chức có liên quan <i>Related organization</i>								
2	Lê Hoàng Khánh Nhựt <i>Mr. Le Hoang Khanh Nhut</i>	058C020474	TV HĐQT, Tổng Giám đốc <i>BOD Member, General Director</i>							16,208,063	10.50%	Dại diện sở hữu/Owners hip representative: 15.442.928
<i>Cá nhân</i>										-	-	
2.1	Huỳnh Thị Diễm <i>Huynh Thi Dien</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
2.2	Lê Thị Châu <i>Le Thi Chau</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	đã mất 2024
2.3	Lê Hoàng Nhân <i>Le Hoang Nhan</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
2.4	Lê Thị Ánh <i>Le Thi Anh</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
2.5	Lê Thị Kim Loan <i>Le Thi Kim Loan</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
2.6	Lê Thị Kim Phụng <i>Le Thi Kim Phung</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
2.7	Lê Thị Kim Ân <i>Le Thi Kim En</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
2.8	Lê Thị Kim Hiền <i>Le Thi Kim Hien</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
2.9	Lê Hoàng Anh Đức <i>Le Hoang Anh Duc</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	
2.10	Lê Hoàng Ngọc Phương <i>Le Hoang Ngoc Phuong</i>			Em trai <i>Younger brother</i>						-	-	
2.11	Lê Thị Phương Lan <i>Le Thi Phuong Lan</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	
2.12	Lê Thanh Hoàng <i>Le Thanh Hoang</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
2.13	Lê Thanh Ngọc <i>Le Thanh Ngoc</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
2.14	Huỳnh Bá Tường <i>Huynh Ba Tuong</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
2.15	Trần Thị Hương <i>Tran Thi Huong</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
2.16	Huỳnh Bá Nhứt <i>Huynh Ba Nhut</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
2.17	Nguyễn Công Trường <i>Nguyen Cong Truong</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/in ternal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passpor t/Giấy ĐKKD) ID Docume nt Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownersh ip percenta ge of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
2.18	Lê Đức Tường <i>Le Duc Tuong</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
2.19	Nguyễn Thị Thu Ba <i>Nguyen Thi Thu Ba</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
2.20	Nguyễn Phạm Ly Na <i>Nguyen Pham Ly Na</i>			Em dâu <i>Younger brother's wife</i>						-	-	
	Hà Phước Lộc <i>Mr. Ha Phuoc Loc</i>	058C407259	TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc <i>BOD Member, Deputy General Director</i>							15,553,399	10.07%	Đại diện sở hữu/Owners hip representati ve: 15.442.928
<i>Cá nhân</i>										-	-	
3.1	Nguyễn Thị Kiều Hương <i>Nguyen Thi Kieu Huong</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	
3.2	Nguyễn Thị Hồng <i>Nguyen Thi Hong</i>	017C057517		Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>						46,477	0.03%	
3.3	Hà Thị Thanh Tâm <i>Ha Thi Thanh Tam</i>			Con gái <i>Daughter</i>						-	-	
3.4	Hà Thị Minh Hạnh <i>Ha Thi Minh Hanh</i>			Con gái <i>Daughter</i>						-	-	
3.5	Hà Thị Thanh <i>Ha Thi Thanh</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
3.6	Hà Phước Tư <i>Ha Phuoc Tu</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/in ternal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passpor t/Giấy ĐKKD) ID Docume nt Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownersh ip percenta ge of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
3.7	Nguyễn Thị Phương <i>Nguyen Thi Phuong</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
3.8	Hà Phước Hiệp <i>Ha Phuoc Hiep</i>			Em trai <i>Younger brother</i>						-	-	
3.9	Mai Thị Tài <i>Mai Thi Tai</i>			Em dâu <i>Younger brother's wife</i>						-	-	
3.10	Hà Phước Tài <i>Ha Phuoc Tai</i>			Em trai <i>Younger brother</i>						-	-	
3.11	Nguyễn Thị Trang Đài <i>Nguyen Thi Trang Dai</i>			Em dâu <i>Younger brother's wife</i>						-	-	
3.12	Hà Phước Vinh <i>Ha Phuoc Vinh</i>			Em trai <i>Younger brother</i>						-	-	
3.13	Thân Thị Mỹ Thịnh <i>Than Thi My Thinh</i>			Em dâu <i>Younger brother's wife</i>						-	-	
3.14	Hà Phước Hoa <i>Ha Phuoc Hoa</i>			Em trai <i>Younger brother</i>						-	-	
3.15	Lê Thị Ánh <i>Le Thi Anh</i>			Em dâu <i>Younger brother's wife</i>						-	-	
Tổ chức										-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/in ternal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passpor t/Giấy ĐKKD) ID Docume nt Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownersh ip percenta ge of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
4	Nguyễn Huy Hiếu <i>Mr. Nguyen Huy Hieu</i>	014C523668/0 01C121999	TV HĐQT <i>BOD Member</i>							15,443,038	10.00%	Đại diện sở hữu/Owners hip representati ve: 15.442.928
Cá nhân										-	-	
4.1	Nguyễn Thị Thanh Xuân <i>Nguyen Thi Thanh Xuan</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	Đã mất 2025
4.2	Nguyễn Quang Thành <i>Nguyen Quang Thanh</i>			Con trai <i>Son</i>						-	-	
4.3	Nguyễn Thị Xuân Nguyên <i>Nguyen Thi Xuan Nguyen</i>			Con gái <i>Daughter</i>						-	-	
4.4	Nguyễn Văn Mẫn <i>Nguyen Van Man</i>			Bố <i>Father</i>						-	-	
4.5	Đỗ Thị Tước <i>Do Thi Tuoc</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
4.6	Nguyễn Xuân Thìn <i>Nguyen Xuan Thin</i>			Bố vợ <i>Father-in- law</i>						-	-	
4.7	Nguyễn Thị Quân <i>Nguyen Thi Quan</i>			Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>						-	-	
4.8	Nguyễn Thị Tú Uyên <i>Nguyen Thi Tu Uyen</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
4.9	Nguyễn Minh Đạo <i>Nguyen Minh Dao</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	

[illegible]

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
5.1	Nguyễn Cao Thử <i>Nguyen Cao Thu</i>			Bố đẻ <i>Father</i>						-	-	Đã mất 2025
5.2	Phạm Thị Ty <i>Pham Thi Ty</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
5.3	Nguyễn Văn Minh <i>Nguyen Van Minh</i>			Bố chồng <i>Father-in-law</i>						-	-	
5.4	Hoàng Thị Năm <i>Hoang Thi Nam</i>			Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>						-	-	
5.5	Nguyễn Hoài Nam <i>Nguyen Hoai Nam</i>			Chồng <i>Husband</i>						-	-	
5.6	Nguyễn Nhật Phong <i>Nguyen Nhat Phong</i>			Con <i>Child</i>						-	-	Còn nhỏ
5.7	Nguyễn Bình Nguyên <i>Nguyen Binh Nguyen</i>			Con <i>Child</i>						-	-	Còn nhỏ
5.8	Nguyễn Thị Minh Nguyệt <i>Nguyen Thi Minh Nguyet</i>			Chị <i>Sister</i>						-	-	
5.9	Nguyễn Thị Minh Thu <i>Nguyen Thi Minh Thu</i>			Chị <i>Sister</i>						-	-	
5.10	Nguyễn Thành Nam <i>Nguyen Thanh Nam</i>			Em <i>Younger sibling</i>						-	-	
5.11	Nguyễn Thị Thúy <i>Nguyen Thi Thuy</i>			Em <i>Younger sibling</i>						-	-	
5.12	Đỗ Hồng Thoan <i>Do Hong Thoan</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
5.13	Đỗ Văn Đức <i>Do Van Duc</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
5.14	Phạm Thị Là <i>Pham Thi La</i>			Em dâu <i>Younger brother's wife</i>						-	-	
<i>Tổ chức</i>										-	-	
5.15	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam <i>Vietnam National Chemical Group</i>			Phó Ban thư ký <i>Deputy Head of the Secretariat</i>						77,999,165	50.51%	
6	Nguyễn Văn Hiệu <i>Mr. Nguyen Van Hieu</i>	009C033879	TV HĐQT <i>BOD Member</i>							12,468	0.01%	
<i>Cá nhân</i>										-	-	
6.1	Phạm Thị Hồng Hội <i>Pham Thi Hong Hoi</i>	009C021826		Vợ <i>Wife</i>						4,717,820	3.06%	
6.2	Nguyễn Mạnh Tuấn <i>Nguyen Manh Tuan</i>	009C101899		Con trai <i>Son</i>						195,000	0.13%	
6.3	Nguyễn Đức Minh <i>Nguyen Duc Minh</i>	0001156391		Con trai <i>Son</i>						13,000	0.01%	
6.4	Lã Thị Kim Dung <i>La Thi Kim Dung</i>			Con dâu <i>Daughter-in-law</i>						-	-	
6.5	<i>Nguyen Tien Vinh</i>			<i>Brother</i>						-	-	
6.6	<i>Nguyen Van Bach</i>			<i>Brother</i>						-	-	
6.7	<i>Nguyen Van Cai</i>			<i>Brother</i>						-	-	
<i>Tổ chức</i>												

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
7	Phạm Ngọc Phú <i>Mr. Pham Ngoc Phu</i>	045C024378; 007C905599;0 22C101256.	TV HĐQT <i>BOD Member</i>							182,274	0.12%	
<i>Cá nhân</i>										-	-	
7.1	Nguyễn Thị Sinh <i>Nguyen Thi Sinh</i>			Cha ruột <i>Father</i>						-	-	
7.2	Phạm Ngọc Hoàng Việt <i>Pham Ngoc Hoang Viet</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
7.3	Nguyễn Ngọc Anh <i>Nguyen Ngoc Anh</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	
7.4	Phạm Minh Đức <i>Pham Minh Duc</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
7.5	Phạm Trần Hạnh Linh <i>Pham Tran Hanh Linh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
7.6	Phạm Ngọc Cường <i>Pham Ngoc Cuong</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
7.7	Phạm Ngọc Thịnh <i>Pham Ngoc Thinh</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
7.8	Phạm Thị Ngọc Thọ <i>Pham Thi Ngoc Tho</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
7.9	Phạm Thị Ngọc Thủy <i>Pham Thi Ngoc Thuy</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
7.10	Đỗ Thị Nhung <i>Do Thi Nhung</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
7.11	Đào Xuân Lâm <i>Dao Xuan Lam</i>									-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
7.12	Bùi Thị Ánh Tuyết <i>Bui Thi Anh Tuyet</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
<i>Tổ chức</i>										-	-	
7.1	Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì <i>Viet Tri Chemical JSC</i>			Chủ tịch HĐQT kiêm TGD <i>Chairman of BOD cum General Director</i>						-	-	
8	Nguyễn Thị Minh Thu <i>Ms. Nguyen Thi Minh Thu</i>	069C202303	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>							13,097	0.01%	
<i>Cá nhân</i>										-	-	
8.1	Nguyễn Thị Minh Thiết <i>Nguyen Thi Minh Thiet</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
8.2	Phạm Thị Lèo <i>Pham Thi Leo</i>			Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>						-	-	
8.3	Nguyễn Thùy Nga <i>Nguyen Thuy Nga</i>			Em gái <i>Younger sister</i>						-	-	
8.4	Nguyễn Tuấn Anh <i>Nguyen Tuan Anh</i>	069C202203		Em rể <i>Younger sister's husband</i>						-	-	
8.5	Nguyễn Mạnh Hùng <i>Nguyen Manh Hung</i>			Chồng <i>Husband</i>						36	0.00%	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
8.6	Nguyễn Hoàng An <i>Nguyen Hoang An</i>	069C212303		Con <i>Child</i>						-	-	
8.7	Nguyễn Hoàng Sơn <i>Nguyen Hoang Son</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
Tổ chức										-	-	
9	Chu Quang Tuấn <i>Mr. Chu Quang Tuan</i>	058C101599	Trưởng ban KS <i>Head of SB</i>							1,306	0.00%	
Cá nhân										-	-	
9.1	Chu Quang Ngọc <i>Chu Quang Ngoc</i>			Bố <i>Father</i>						-	-	đã mất 2024
9.2	Hoàng Thị Hương Thu <i>Hoang Thi Huong Thu</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	
9.3	Chu Hoàng Anh <i>Chu Hoang Anh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
9.4	Chu Kim Anh <i>Chu Kim Anh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
9.5	Chu Thị Thúy <i>Chu Thi Thuy</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
9.6	Nguyễn Văn Bắc <i>Nguyen Van Bac</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
9.7	Chu Thị Thơm <i>Chu Thi Thom</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
9.8	Nguyễn Ngọc Hiền <i>Nguyen Ngoc Hien</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
9.9	Chu Thị Hương <i>Chu Thi Huong</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	
9.10	Nguyễn Văn Chính <i>Nguyen Van Chinh</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
9.11	Chu Quang Hải <i>Chu Quang Hai</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	
9.12	Dương Thị Gái <i>Duong Thi Gai</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
9.13	Hoàng Hữu Xuân <i>Hoang Huu Xuan</i>			Bố vợ <i>Father-in-law</i>						-	-	
9.14	Phạm Thị Lâm <i>Pham Thi Lam</i>			Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>						-	-	
9.15	Hoàng Phương Đông <i>Hoang Phuong Dong</i>			Em vợ <i>Wife's younger sibling</i>						-	-	
Tổ chức												
9.1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam <i>Vietnam National Chemical Group</i>			Chuyên viên Ban Kế hoạch Kinh doanh <i>Business Planning Department Specialist</i>						77,999,165	50.51%	
10	Trương Tuấn Nghĩa <i>Mr. Truong Tuan Nghia</i>		Kiểm soát viên SB Member							-	0.00%	
Cá nhân										-	-	
10.1	Trương Tuấn Khanh <i>Truong Tuan Khanh</i>			Cha đẻ <i>Father</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
10.2	Phạm Thị Thùy <i>Pham Thi Thuy</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	Còn nhỏ
10.3	Trần Thị Bảo Linh <i>Tran Thi Bao Linh</i>			Vợ <i>Wife</i>						-	-	
10.4	Trương Tuấn Phong <i>Truong Tuan Phong</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
10.5	Trương Khánh Ly <i>Truong Khanh Ly</i>			Em gái <i>Younger sister</i>								
10.6	Trần Văn Đức <i>Tran Van Duc</i>			Bố vợ <i>Father-in-law</i>								
10.7	Nguyễn Thị Thân <i>Nguyen Thi Than</i>			Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>						-	-	
10.8	Trần Hồng Linh <i>Tran Hong Linh</i>			Em vợ <i>Wife's younger sibling</i>						-	-	
	<i>Tổ chức</i>									-	-	
10.1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam <i>Vietnam National Chemical Group</i>			Phó Ban thư ký HĐQT <i>Deputy Secretary of the Members' Council</i>						77,999,165	50.51%	
11	Trương Thị Hồng Hoa <i>Ms. Truong Thi Hong Hoa</i>	008C425008	Kiểm soát viên <i>SB Member</i>							91	0.00%	
	<i>Cá nhân</i>									-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
11.1	Trương Công Phê <i>Truong Cong Phe</i>			Cha <i>Father</i>						-	-	
11.2	Nguyễn Thị Bê <i>Nguyen Thi Be</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
11.3	Nguyễn Bảo Cường <i>Nguyen Bao Cuong</i>			Chồng <i>Husband</i>						-	-	
11.4	Nguyễn Trương Bảo Khoa <i>Nguyen Truong Bao Khoa</i>			Con <i>Child</i>						-	-	còn nhỏ
11.5	Nguyễn Trương Bảo Nhi <i>Nguyen Truong Bao Nhi</i>			Con <i>Child</i>						-	-	còn nhỏ
11.6	Hồ Quang Vinh <i>Ho Quang Vinh</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	
11.7	Nguyễn Hồng Hoa <i>Nguyen Hong Hoa</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
11.8	Nguyễn Văn Hùng <i>Nguyen Van Hung</i>			Bố chồng <i>Father-in-law</i>						-	-	
11.9	Nguyễn Thị Thanh Thủy <i>Nguyen Thi Thanh Thuy</i>			Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>						-	-	
<i>Tổ chức</i>										-	-	
12	Trần Thị Mỹ Lệ <i>Ms. Tran Thi My Le</i>	058C512880	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>							769	0.00%	
<i>Cá nhân</i>										-	-	
12.1	Vương Duy Tú <i>Vuong Duy Tu</i>			Chồng <i>Husband</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
12.2	Trần Văn Sanh <i>Tran Van Sanh</i>			Bố <i>Father</i>						-	-	đã mất 2024
12.3	Nguyễn Thị Tài <i>Nguyen Thi Tai</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
12.4	Vương Thị Thùy <i>Vuong Thi Thuy</i>			Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>						-	-	
12.5	Vương Đức Thành <i>Vuong Duc Thanh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
12.6	Vương Đức Minh <i>Vuong Duc Minh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	
12.7	Trần Hữu Tài <i>Tran Huu Tai</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	
12.8	Bùi Thị Kim Luyến <i>Bui Thi Kim Luyen</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
12.9	Trần Thị Kim Liệu <i>Tran Thi Kim Lieu</i>			Chị <i>Sister</i>						-	-	
12.10	Nguyễn Văn Sơn <i>Nguyen Van Son</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
12.11	Trần Văn Đạt <i>Tran Van Dat</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	
12.12	Đặng Thị Phi <i>Dang Thi Phi</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
12.13	Trần Hữu Dũng <i>Tran Huu Dung</i>			Anh trai <i>Brother</i>						-	-	
12.14	Trần Thị Mười <i>Tran Thi Muoi</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
12.15	Trần Thị Ngọc Bích <i>Tran Thi Ngoc Bich</i>			Chị gái <i>Sister</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
12.16	Nguyễn Đình Truật <i>Nguyen Dinh Truat</i>			Anh rể <i>Sister's Husband</i>						-	-	
Tổ chức										-	-	
13	Phạm Thị Quỳnh Nga <i>Ms. Pham Thi Quynh Nga</i>	058C040385	Người được UQ công bố thông tin <i>Authorized person for information disclosure</i>							6,500	0.00%	
Cá nhân										-	-	
13.1	Phạm Đức Chiu <i>Pham Duc Chiu</i>			Bố đẻ <i>Father</i>						-	-	
13.2	Võ Thị Hải Lý <i>Vo Thi Hai Ly</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
13.3	Vũ Thị Hà <i>Vu Thi Ha</i>	058C080151		Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>						-	-	
13.4	Vũ Văn Chương <i>Vu Van Chuong</i>			Bố chồng <i>Father-in-law</i>						-	-	
13.5	Vũ Hồng Dương <i>Vu Hong Duong</i>	058C574735		Chồng <i>Husband</i>						2	0.00%	
13.6	Vũ Văn Nhật Huy <i>Vu Van Nhat Huy</i>			Con <i>Child</i>						-	-	còn nhỏ
13.7	Vũ Văn Hải Đăng <i>Vu Van Hai Dang</i>			Con <i>Child</i>						-	-	còn nhỏ
13.8	Phạm Thị Thùy Miên <i>Pham Thi Thuy Mien</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
13.9	Đỗ Thành Trung <i>Do Thanh Trung</i>			Em rể <i>Younger sister's husband</i>						-	-	
<i>Tổ chức</i>										-	-	
14	Phạm Thị Anh Thư <i>Ms. Pham Thi Anh Thu</i>	058C023420	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty <i>Person in charge of management and Secretary of the Company</i>							3,770	0.00%	
<i>Cá nhân</i>										-	-	
14.1	Phạm Thung <i>Pham Thung</i>			Bố đẻ <i>Father</i>						-	-	
14.2	Ngô Thị Tâm <i>Ngo Thi Tam</i>			Mẹ <i>Mother</i>						-	-	
14.3	Phan Quy <i>Phan Quy</i>			Bố chồng <i>Father-in-law</i>						-	-	
14.4	Bùi Thị Nghiệp <i>Bui Thi Nghiep</i>			Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>						-	-	
14.5	Phan Minh Quang <i>Phan Minh Quang</i>			Chồng <i>Husband</i>						-	-	
14.6	Phan Khánh Linh <i>Phan Khanh Linh</i>			Con <i>Child</i>						-	-	còn nhỏ

STT No.	Họ tên /Full of name	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities Trading Account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/internal persons	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND /Passport/Giấy ĐKKD) ID Document Type (*) (ID	Số Giấy NSH (*) NSH No. ID Document No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp NSH Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Head Office Address/ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares held at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Ownership percentage of shares at the end of the period.	Ghi chú Note
14.7	Phan Khánh Vy <i>Phan Khanh Vy</i>			Con <i>Child</i>						-	-	còn nhỏ
14.8	<i>Phan Khanh An</i>			<i>Child</i>						-	-	còn nhỏ
14.9	Phạm Thị Duy Dung <i>Pham Thi Duy Dung</i>			Chị ruột <i>Sister</i>						-	-	
14.1	Phạm Duy Mỹ <i>Pham Duy My</i>			Anh ruột <i>Brother</i>						-	-	
14.11	Phạm Duy Đoài <i>Pham Duy Doai</i>			Anh ruột <i>Brother</i>						-	-	
14.12	Phạm Duy Nghĩa <i>Pham Duy Nghia</i>			Anh ruột <i>Brother</i>						-	-	
14.13	Phạm Duy Anh Quốc <i>Pham Duy Anh Quoc</i>			Em ruột <i>Younger sibling</i>						-	-	
14.14	Đoàn Thị Sương <i>Doan Thi Suong</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
14.15	Vũ Thanh Loan <i>Vu Thanh Loan</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>						-	-	
14.16	Đặng Ngọc Tường Vy <i>Dang Ngoc Tuong Vy</i>			Chị dâu <i>Sister-in-law</i>								
<i>Tổ chức</i>										-	-	

Phụ lục 4/ Annex 4 Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

Stt /No.	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ / <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) / <i>Reasons for increasing, decreasing (buying selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			<i>Số cổ phiếu / Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ/ Percentage</i>	<i>Số cổ phiếu / Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ/ Percentage</i>	
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam <i>Vietnam National Chemical Group</i>		59,999,358	50.51%	77,999,165	50.51%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
2	Lê Hoàng Khánh Nhựt <i>Le Hoang Khanh Nhut</i>	TV HĐQT, Tổng Giám đốc <i>BOD Member, General Director</i>	588,566	0.50%	765,135	0.50%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
3	Hà Phước Lộc <i>Ha Phuoc Loc</i>	TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc <i>BOD Member, Deputy General Director</i>	84,978	10.07%	110,471	10.07%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
4	Nguyễn Thị Hồng <i>Nguyen Thi Hong</i>	Mẹ vợ TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc <i>Mother-in-law of a BOD member, Deputy General Director</i>	35,752	0.03%	46,477	0.03%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
5	Nguyễn Thị Bích Thủy <i>Nguyen Thi Bich Thuy</i>	TV HĐQT <i>BOD Member</i>	10,000	0.01%	13,000	0.01%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
6	Nguyễn Văn Hiệu <i>Nguyen Van Hieu</i>	TV HĐQT <i>BOD Member</i>	9,591	0.01%	12,468	0.01%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
7	Phạm Thị Hồng Hội <i>Pham Thi Hong Hoi</i>	Vợ TV HĐQT <i>Wife of a BOD member</i>	3,629,093	3.05%	4,717,820	3.05%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
8	Nguyễn Mạnh Tuấn <i>Nguyen Manh Tuan</i>	Con trai TV HĐQT <i>Son of a BOD member</i>	150,000	0.13%	195,000	0.13%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>

Stt /No.	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ / <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ <i>Reasons for increasing, decreasing (buying selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu / <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu / <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ/ <i>Percentage</i>	
9	Nguyễn Đức Minh <i>Nguyen Duc Minh</i>	Con trai TV HĐQT <i>Son of a BOD member</i>	10,000	0.01%	13,000	0.01%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
10	Phạm Ngọc Phú <i>Pham Ngoc Phu</i>	TV HĐQT <i>BOD Member</i>	140,211	0.12%	182,274	0.12%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
11	Nguyễn Thị Minh Thu <i>Nguyen Thi Minh Thu</i>	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>	10,075	0.01%	13,097	0.01%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
12	Nguyễn Mạnh Hùng <i>Nguyen Manh Hung</i>	Chồng Phó TGD <i>Husband of Deputy General Director</i>	28	0.00%	36	0.00%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
13	Chu Quang Tuấn <i>Chu Quang Tuan</i>	Trưởng ban kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>	6,005	0.01%	-	0.00%	PH cổ phiếu thưởng, bán <i>Bonus share issuance and sale</i>
14	Trương Thị Hồng Hoa <i>Truong Thi Hong Hoa</i>	Kiểm soát viên <i>Supervisory Board Member</i>	70	0.00%	91	0.00%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
15	Trần Thị Mỹ Lệ <i>Tran Thi My Le</i>	Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>	592	0.00%	769	0.00%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>
16	Phạm Thị Quỳnh Nga <i>Pham Thi Quynh Nga</i>	Người được UQ công bố thông tin <i>Authorized person for information disclosure</i>	2,000	0.00%	6,500	0.00%	PH cổ phiếu thưởng, mua <i>Bonus share issuance and purchase</i>
17	Phạm Thị Anh Thư <i>Pham Thi Anh Thu</i>	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty <i>Person in charge of management and Secretary of the Company</i>	1,000	0.08%	3,770	0.24%	PH cổ phiếu thưởng <i>Bonus share issuance</i>